

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

I. Cấp cho: CÔNG TNHH OLECO-NQ.

- Địa chỉ liên hệ: Thôn 7, xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

II. Giấy phép xây dựng các hạng mục công trình: Hệ thống giao thông nội bộ; Hệ thống cấp nước; Hệ thống thoát nước mưa; Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt; Hệ thống cấp điện; Hệ thống Thông tin liên lạc; Hệ thống PCCC thuộc dự án Khu đô thị thương mại và dịch vụ tổng hợp tại xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, với các nội dung sau đây:

1. Hồ sơ pháp lý:

- Quyết định phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 số: 2968/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của UBND tỉnh Nghệ An.
- Các văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công số 168/TĐ.SXD-HĐXD ngày 21/5/2019 của Sở Xây dựng Nghệ An và số 64/SCT-QLNL ngày 13/6/2019 của Sở Công thương Nghệ An.
- Giấy tờ về đất đai: Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho Công ty TNHH Oleco-NQ thuê đất tại xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu.

2. Các thông tin chung:

- Thiết kế bản vẽ thi công do Công ty CP Kiến trúc HighEnd lập.
- Đơn vị thẩm định thiết kế: Sở Công thương (thẩm định hệ thống cấp điện); Sở Xây dựng (thẩm định các hạng mục còn lại).
- Vị trí xây dựng:
 - + Theo Trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất số 68/2019/BĐDC/VPĐK được Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An phê duyệt ngày 21/02/2019.
 - + Tại xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 13/7/2018.
- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

3. Các thông số kỹ thuật chính của các hạng mục công trình:

3.1. Hệ thống đường giao thông nội bộ:

- Tuyến đường RD - 01 (từ nút N01 đến nút N07):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 28,0m. Trong đó: Lòng đường rộng $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$; hè đường rộng $2 \times 5\text{m} = 10,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 647,94m.
- Tuyến đường số RD - 02 (từ nút N08 đến nút N15):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 18,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 12,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 590,17m.
- Tuyến đường số RD - 03 (từ nút N16 đến nút N25):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 15,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 9,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 746,77m.



- Tuyến đường số RD - 04 (từ nút N17 đến nút N29):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 15,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 9,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 470,53m.
- Tuyến đường số RD - 05 (từ nút N23 đến nút N34):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 15,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 9,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 426,76m.
- Tuyến đường số RD - 06 (từ nút N35 đến nút N44):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 1.723,1m.
- Tuyến đường số RD - 07 (từ nút N45 đến nút N24):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 465,72m.
- Tuyến đường số RD - 08 (từ nút N41 đến nút N52):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 495,56m.
- Tuyến đường số RD - 09 (từ nút N53 đến nút N54):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 194,46m.
- Tuyến đường số RD - 10 (từ nút N55 đến nút N56):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 195,25m.
- Tuyến đường số RD - 11 (từ nút N40 đến nút N62):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 572,26m.
- Tuyến đường số RD - 12 (từ nút N39 đến nút N13):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 383,04m.
- Tuyến đường số RD - 13 (từ nút N66 đến nút N67):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 115,55m.
- Tuyến đường số RD - 14 (từ nút N29 đến nút N70):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
 - + Chiều dài tuyến đường: 207,21m.
- Tuyến đường số RD - 15 (từ nút N42 đến nút N46):
 - + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.

- + Chiều dài tuyến đường: 49m.
- Tuyến đường số RD - 16 (từ nút N47 đến nút N50):
- + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
- + Chiều dài tuyến đường: 202,88m.
- Tuyến đường số RD - 17 (từ nút N48 đến nút N51):
- + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
- + Chiều dài tuyến đường: 253,78m.
- Tuyến đường số RD - 18 (từ nút N43 đến nút N49):
- + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
- + Chiều dài tuyến đường: 49,0m.
- Tuyến đường số RD - 19 (từ nút N44 đến nút N37):
- + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
- + Chiều dài tuyến đường: 505,93m.
- Tuyến đường số RD - 20 (từ nút N06 đến nút N35):
- + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
- + Chiều dài tuyến đường: 297,06m.
- Tuyến đường số RD - 21 (từ nút N71 đến nút N36):
- + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
- + Chiều dài tuyến đường: 131,46m.
- Tuyến đường số RD - 22 (từ nút N61 đến nút N68):
- + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
- + Chiều dài tuyến đường: 115,56m.
- Tuyến đường số RD - 23 (từ nút N60 đến nút N28):
- + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
- + Chiều dài tuyến đường: 114,18m.
- Tuyến đường số RD - 24 (từ nút N59 đến nút N27):
- + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
- + Chiều dài tuyến đường: 116,57m.
- Tuyến đường số RD - 25 (từ nút N64 đến nút N58):
- + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
- + Chiều dài tuyến đường: 129,65m.
- Tuyến đường số RD - 26 (từ nút N57 đến nút N17):
- + Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.
- + Chiều dài tuyến đường: 203,46m.
- Tuyến đường số RD - 27 (từ nút N65 đến nút N38):

+ Chỉ giới đường đỏ rộng 13,0m. Trong đó: Lòng đường rộng 7,0m; hè đường rộng 2x3,0m=6,0m.

+ Chiều dài tuyến đường: 99,72m.

3.2. Hệ thống thoát nước mưa:

- Mương thoát nước bằng hệ thống công D400-D1200 dưới vỉa hè và lòng đường các tuyến đường nêu tại mục 3.1.

3.3. Hệ thống thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải bằng đường ống D300-D400 bố trí dưới vỉa hè các tuyến đường nêu tại mục 3.1.

3.4. Hệ thống cấp nước:

- Tổng chiều dài đường ống: 5.971,5m.

3.5. Hệ thống thông tin liên lạc:

- Các tuyến cáp thông tin liên lạc đi ngầm dưới vỉa hè các tuyến đường nêu tại mục 3.1 trong các ống cáp luồn dây nhựa xoắn HDPE.

3.6. Hệ thống cấp điện:

- Thông số kỹ thuật theo văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công số 64/SCT-QLNL ngày 13/6/2019 của Sở Công thương Nghệ An.

3.7. Hệ thống PCCC:

- Thông số kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế PCCC đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Nghệ An thẩm duyệt tại Giấy thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 711/TD-PCCC ngày 06/3/2019.

III. Hiệu lực khởi công của giấy phép: Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên nếu công trình chưa được khởi công xây dựng thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

IV. Lưu ý:

1. Chủ đầu tư chỉ được phép xây dựng các hạng mục công trình trong phạm vi ranh giới phần diện tích đất đã được cấp có thẩm quyền giao đất.
2. Khi đấu nối công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc Dự án với Hệ thống hạ tầng chung của khu vực phải được sự chấp thuận, cho phép của UBND huyện Diễn Châu và các cơ quan quản lý có thẩm quyền khác.
3. Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung khác ghi tại trang 5 GPXD này.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Q. Giám đốc Sở;
- UBND huyện Diễn Châu;
- UBND xã Diễn Kỳ;
- Lưu P. QLNL.

**KT. Q GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Lợi

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, nếu: Xâm phạm các quyền hợp pháp của chủ sở hữu liền kề; Biện pháp thi công làm ảnh hưởng đến kết cấu của các công trình lân cận; Vi phạm hành lang an toàn lưới điện, hệ thống hạ tầng kỹ thuật (ngầm và trên mặt đất), an toàn phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường. Trong quá trình thi công, chủ đầu tư và đơn vị thi công phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm an toàn hệ thống lưới điện xung quanh công trình và để xảy ra tai nạn vì vi phạm nêu trên.

2. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này. Nếu có khiếu kiện, tranh chấp về đất đai của phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng được cấp, chủ đầu tư phải tự đình chỉ xây dựng và chịu mọi tổn thất do việc đình chỉ xây dựng.

3. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

4. Trước khi khởi công xây dựng công trình phải:

- Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

- Có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

- Hoàn thành việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận.

- Phối hợp với chính quyền địa phương nơi xây dựng công trình để lập biên bản xác nhận hiện trạng các công trình lân cận và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do việc xây dựng công trình làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận đó.

5. Khi Điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị Điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép.

6. Bố trí thời gian thi công công trình hợp lý, không làm ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của nhân dân khu vực lân cận.

7. Vận chuyển và đổ rác thải xây dựng đúng nơi quy định.

8. Có giải pháp thi công đảm bảo an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng công trình và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn và mất an toàn lao động.

9. Tuân thủ nghiêm các quy định về phòng cháy chữa cháy và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra cháy nổ trong quá trình đầu tư xây dựng và vận hành sử dụng.

10. Chỉ được đưa công trình vào sử dụng sau khi hoàn thành đầy đủ các hồ sơ thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật và được kiểm tra nghiệm thu, chấp thuận bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền.